

TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 10 - TÂY NINH
Số: 76/2026/QĐST-HNGĐ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Tây Ninh, ngày 28 tháng 01 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 1048/2025/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 12 năm 2025, giữa:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Thùy D, sinh năm 2003;

Nơi cư trú: tổ H ấp X, xã H, tỉnh Tây Ninh; căn cước công dân số: 072303007434;

Bị đơn: Anh Trần Minh N, sinh năm 2002;

Nơi cư trú: tổ A khu phố T, phường T, tỉnh Tây Ninh; căn cước công dân số: 072202000273;

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 20 tháng 01 năm 2026.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 20 tháng 01 năm 2026 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị Nguyễn Thị Thùy D và anh Trần Minh N.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau: Chị Nguyễn Thị Thùy D và anh Trần Minh N.

Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Thùy D và anh Trần Minh N thuận tình ly hôn.

Về con chung: Giao con chung tên Trần Nhật D1, sinh ngày 18/01/2023,

cho chị D trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục.

Anh N được quyền thăm nom con chung không ai được cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con : Anh Trần Minh N có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu Trần Nhật D1 mỗi tháng 3.000.000 (Ba triệu) đồng/tháng. Bắt đầu thực hiện việc cấp dưỡng nuôi con từ ngày 01/02/2026 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

Về tài sản chung; Về nợ chung: Chị D, anh N không yêu cầu Toà án xem xét.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị Thùy D tự nguyện chịu án phí sơ thẩm 150.000 đồng và chị Dương C thay anh N 150.000 đồng án phí cấp dưỡng, tổng cộng chịu 300.000 đồng nhưng được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng theo biên lai thu số 0015936 ngày 19/12/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Tây Ninh. Chị D đã nộp đủ án phí.

3. Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

THẨM PHÁN

Đỗ Thị H

